

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kiều Y, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp Ninh Lợi, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. **Bị đơn:** Anh Danh Văn H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp Huy Hết, xã Vĩnh Mỹ A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Y trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2019 tại ấp Huy Hết, xã Vĩnh Mỹ A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, từ năm 2022 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân, chị Y và anh H đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Nay chị Y nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Y và anh H 01 con chung tên Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 hiện đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn chị

Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Danh Văn H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định nhưng anh H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh H; anh H cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; anh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của anh H để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều Y, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L theo quy định pháp luật, anh H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Chị Y yêu cầu ly hôn với anh H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H cư trú tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Y có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh H.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2019, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Quá trình sống chung như vợ chồng chị Y anh H không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y xác định anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Việc kết hôn*

không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Theo chị Y, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 đến nay, nay chị Y xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh H nhưng anh H không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án anh H không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Y. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng nay chị Y cương quyết xin ly hôn với anh H mà anh H không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị Y yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kiều Y và anh Danh Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Y và anh H quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 hiện đang sống với chị Y, ngoài ra chị Y và anh H không còn con chung nào khác. Sau khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu L đang sống cùng chị Y, anh H là cha cháu L nhưng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Nay chị Y có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, do đó để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu L trong việc ăn ở và học tập nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y giao cháu L cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Y trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Danh L theo quy định pháp luật.

Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con...”; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng

cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Như vậy, Trường hợp cha mẹ không có sống chung với con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H không trực tiếp nuôi con chung, nên chị Y yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Theo quy định của Điều 69 và 71 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; thương yêu con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ chung của cả cha mẹ. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con.

Về mức cấp dưỡng: Tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị Y yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Y buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 với số tiền 900.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Danh Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kiều Y và anh Danh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Kiều Y trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Danh Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Danh L, sinh ngày 15/7/2020 với số tiền 900.000 đồng/01 tháng kể từ ngày 01/8/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều Y phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011542 ngày 16/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí. Anh Danh Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm